TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH THƯỢNG** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **14**/2019/DS-ST.
Ngày: 09-05-2019
V/v Tranh chấp hợp đồng dịch vụ (thuê cắt lúa)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Tịnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Thăm.

2. Ông Danh Si Phal.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang: Không tham gia phiên toà.

Ngày 09 tháng 5 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2019/TLST-DS, ngày 18 tháng 02 năm 2019, về tranh chấp hợp đồng dịch vụ (thuê cắt lúa). Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2019/QĐXXST-DS, ngày 17 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Văn O, sinh năm 1966; địa chỉ cư trú: Ấp CV, xã TY, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

- Bị đơn: Ông Quách Văn V, sinh năm 1981 cùng vợ là bà Nguyễn Thị Bảo T, sinh năm 1990; cùng địa chỉ cư trú: Ấp CN, xã TY, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Đơn khởi kiện đề ngày 21/01/2019 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Lê Văn O trình bày:

Vào ngày 28/11/2018 ông V có thuê máy cắt của ông O để cắt lúa, diện tích là 20 công tầm lớn, với giá 270.000đ/công, hai bên chỉ thỏa thuận bằng lời nói không có lập thành văn bản. Sau khi ông O cắt lúa cho ông V xong thì ông V không trả tiền. Ông O yêu cầu ông V và bà T trả số tiền cắt lúa là 5.400.000đ.

2. Bị đơn ông Quách Văn V và bà Nguyễn Thị Bảo T trình bày:

Vào ngày 28/11/2018 ông O có cắt lúa cho ông V diện tích là 20 công tầm lớn, với giá 270.000đ/công, đất tọa lạc tại ấp Xẻo Kè, xã Thạnh Yên, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Lý do ông V không trả tiền cắt lúa cho ông O là vì ông Lê Văn Gạo là người thỏa thuận mua lúa của ông V với giá 6.300đ/kg, có đặt cọc 6.000.0000đ, nhưng sau khi ông O cắt lúa xong thì ông Gạo không mua lúa và bỏ tiền cọc 6.000.0000đ. Ông V bán lúa cho người khác chỉ với giá 5.700đ/kg với số lượng 18 tấn lúa, làm cho ông bị thiệt hại. Ông V và bà T yêu cầu khi nào ông Gạo bồi thường thiệt hại cho ông V và bà T thì ông V và bà T mới trả tiền cắt lúa cho ông O.

3. Tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được như sau: Biên bản hòa giải cơ sơ đề ngày 19/12/2018 (bản gốc).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về nội dung vụ án*: Lời trình bày của nguyên đơn được bị đơn thừa nhận cụ thể như sau: Vào ngày 18/11/2018 ông O có cắt lúa cho ông V và bà T diện tích 20 công tầm lớn, với giá 270.000đ/công, bằng số tiền là 5.400.000đ. Từ khi cắt lúa xong cho đến nay ông V và bà T chưa trả tiền cắt lúa cho ông O. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thừa nhận lời trình bày của các đương sự là đúng sự thật.

Tuy nhiên, lý do mà ông V và bà T không trả tiền cắt lúa cho ông O là vì khi cắt lúa xong chủ ghe không mua lúa mà bỏ tiền cọc làm cho ông bà bị thiệt hại. Người trực tiếp thỏa thuận mua lúa và cắt lúa của ông V là ông Lê Văn Gạo, nhưng khi cắt lúa xong ông Gạo không mua lúa bỏ tiền cọc nên ông V không trả tiền cắt lúa cho ông O.

Tại biên bản hòa giải ngày 13/3/2019: Ông Lê Văn Gạo thừa nhận có thỏa thuận mua lúa của ông V loại lúa 3517 An Giang, với giá 6.300đ/kg, có đặt cọc 6.000.000đ. Nhưng khi cắt lúa xong thì phát hiện lúa lộn 504 khoảng 40% nên ghe lúa không mua và chấp nhận bỏ tiền cọc. Còn việc thỏa thuận cắt lúa giữa ông O với ông V không liên quan tới ông Gạo. Ông Nguyễn Văn Giang có ý kiến: Ông Gạo là người chạy cò lúa, không phải là người địa phương nên ông Giang có dẫn ông Gạo

đến nhà ông V để xem lúa và bỏ cọc lúa 6.000.000đ. Ông V và ông Gạo thống nhất kêu máy cắt của ông O cắt lúa cho ông V.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử thấy yêu cầu của ông O đòi ông V cùng vợ là bà T trả số tiền cắt lúa 5.400.000đ là có cơ sở. Riêng đối với ý kiến của ông V và bà T cho rằng khi nào ông Gạo trả số tiền chênh lệch giá bán lúa thì mới trả tiền cắt lúa cho ông O là không có cơ sở. Bởi vì, hợp đồng mua lúa giữa ông Gạo với ông V là một giao dịch dân sự khác, với một đối tượng khác, không liên quan đến vụ kiện này. Do đó, nếu ông V và bà T cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm hại từ giao dịch mua bán lúa với ông Gạo thì ông V và bà T có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác theo quy định pháp luật.

[2] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Ông Quách Văn V cùng vợ là Nguyễn Thị Bảo T phải chịu tiền án phí là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng chẵn).

Hoàn trả cho ông Lê Văn O số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng chẵn) tại biên lai thu số 0000807 ngày 13/2/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 92, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 513; Điều 519 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn O đối với bị đơn ông Quách Văn V và bà Nguyễn Thị Bảo T về việc tranh chấp hợp đồng dịch vụ (thuê cắt lúa). Buộc ông Quách Văn V và bà Nguyễn Thị Bảo T trả cho ông Lê Văn O số tiền là 5.400.000đ (năm triệu bốn trăm nghìn đồng chẵn).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Quách Văn V cùng vợ là Nguyễn Thị Bảo T phải chịu tiền án phí là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng chẵn).

Hoàn trả cho ông Lê Văn O số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng chẵn) tại biên lai thu số 0000807 ngày 13/2/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

***Nơi nhận*:**
- *Tòa án nhân dân tỉnh KG;*
- *Viện kiểm sát nhân dân huyện UMT;*
- *Chi cục Thi hành án DS huyện UMT;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hs.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Văn Tịnh